

Số: 1533/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thành phố theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp công nghệ cao trong giai đoạn đến năm 2020 và theo hướng dịch vụ - công nghiệp - nông nghiệp công nghệ cao giai đoạn sau năm 2020; hướng vào những điều kiện tạo thế và lực cho phát triển (kết cấu hạ tầng then chốt, lĩnh vực và sản phẩm chủ lực, công nghệ và nhân lực). Cơ cấu kinh tế tăng trưởng nhanh, ổn định, bền vững, công bằng, tiến bộ xã hội.

2. Đầu tư phát triển kinh tế theo chiều rộng và chiều sâu, chủ yếu là chiều sâu. Đầu tư có trọng điểm vào một số lĩnh vực mà thành phố có lợi thế cạnh tranh như: Dịch vụ, du lịch, công nghiệp với hàm lượng công nghệ cao; các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản chất lượng cao...

3. Huy động sức mạnh tổng hợp của thành phố, sự hỗ trợ của Trung ương, các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó nội lực là nhân tố quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng.

4. Liên kết chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL); xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ là một động lực thúc đẩy phát triển của vùng.

5. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và phát triển các lĩnh vực xã hội, giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, xây dựng nông thôn mới, từng bước thu hẹp khoảng cách giữa khu vực đô thị và nông thôn.

6. Gắn kết chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng và quản lý đô thị, phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng văn minh đô thị.

7. Gắn kết giữa phát triển kinh tế với sử dụng tiết kiệm tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái, đảm bảo phát triển bền vững.

8. Phát triển kinh tế gắn với quốc phòng, an ninh. Bảo đảm ổn định vững chắc an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Tạo bước chuyển biến mới rõ rệt về quản lý trật tự, an toàn xã hội, nếp sống đô thị, đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành thành phố văn minh, hiện đại, mang đặc trưng sông nước, cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020; là trung tâm kinh tế - xã hội, trung tâm giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, trung tâm y tế và văn hóa, thể thao của vùng ĐBSCL; là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế; là địa bàn trọng điểm giữ vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh của vùng ĐBSCL và của cả nước; đóng vai trò động lực thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của toàn vùng ĐBSCL.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Về kinh tế:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt khoảng 16%/năm giai đoạn 2011 - 2015, trong đó khu vực III tăng 17%/năm, khu vực II tăng 17,5%/năm, khu vực I tăng 2,7%/năm; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 15%/năm giai đoạn 2016 - 2020, trong đó khu vực III tăng 15,3%/năm, khu vực II tăng 16%/năm, khu vực I tăng 2,5%/năm; tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 10,5%/năm giai đoạn 2021 - 2030, trong đó khu vực III tăng 10,9%/năm, khu vực II tăng 10,4%/năm, khu vực I tăng 2%/năm.

- Cơ cấu kinh tế: Đến năm 2015, tỷ trọng khu vực III 47,1%, khu vực II 47%, khu vực I 5,9%; đến năm 2020: Tỷ trọng khu vực III 47,9%, khu vực II 48,8%, khu vực I 3,3%.

- GDP bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 3.200 USD, năm 2020 đạt 6.480 USD, năm 2030 đạt 14.200 USD.

- Tốc độ tăng giá trị xuất khẩu bình quân 16,8%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và đạt 16,1%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người đến năm 2015 đạt 1.430 USD, năm 2020 đạt 2.640 USD.

- Tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước từ GDP đạt khoảng 10 - 11% giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 12 - 13% giai đoạn 2016 - 2020.

b) Về xã hội:

- Quy mô dân số thành phố đến năm 2015 khoảng 1,4 triệu người, đến năm 2020 khoảng 1,6 triệu người, đến năm 2030 khoảng 1,95 triệu người.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân khoảng 9,76%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và 9,42%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

- Số giường bệnh/vạn dân đến năm 2015 đạt 30 giường, năm 2020 khoảng 34 - 35 giường.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng đến năm 2015 dưới 12,8%, năm 2020 dưới 10%.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2015: Mầm non 50%, tiểu học 60%, trung học cơ sở 50%, trung học phổ thông 33%; đến năm 2020: Mầm non 80%, tiểu học 90 - 100%, trung học cơ sở 80%, trung học phổ thông 60%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đến năm 2015 đạt trên 65%, năm 2020 khoảng 75 - 80%.

- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2015 đạt 70%, đến năm 2020 đạt 73,5%.

c) Về môi trường:

- Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch tập trung đến năm 2015 đạt 60 - 65% đến năm 2020 đạt 80 - 85%.

- Tỷ lệ số hộ được dùng điện đến năm 2015 đạt 100%.

- Tỷ lệ rác thải được thu gom và xử lý đến năm 2015 đạt 90%, đến năm 2020 đạt 100%.

- Tỷ lệ nước thải được xử lý đến năm 2015 đạt 50 - 60%, đến năm 2020 đạt 70 - 80%.

d) Về quốc phòng - an ninh:

- Gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội trong giai đoạn mới.

- Tiếp tục xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

3. Tầm nhìn phát triển thành phố đến năm 2030:

- Xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ thành đô thị trung tâm của vùng ĐBSCL; đô thị hạt nhân gắn với dịch vụ chất lượng cao, công nghiệp công nghệ cao của vùng kinh tế trọng điểm vùng ĐBSCL và vùng ĐBSCL.

- Vào năm 2030, thành phố Cần Thơ sẽ là một đô thị văn minh, hiện đại, trình độ tiên tiến.

- Cần Thơ sẽ là đô thị xanh, sạch, đẹp, hình thành các trục kinh tế đô thị và các trục cảnh quan đô thị, có những kiến trúc đặc trưng của một đô thị sông nước, miệt vườn, tiêu biểu cho bản sắc văn hoá của cả vùng ĐBSCL.

- Kinh tế của thành phố về cơ bản là nền kinh tế tri thức, dựa vào các ngành công nghệ cao, chất lượng cao; khoa học - công nghệ trở thành một trong những động lực chính trong phát triển kinh tế - xã hội thành phố. Cơ cấu kinh tế với tỷ trọng khu vực dịch vụ và công nghiệp chiếm tỷ trọng trên 98%; thành phố là trung tâm du lịch, trung tâm giao thương và phân phối hàng hóa; nông nghiệp đô thị sinh thái, công nghệ cao. Thành phố Cần Thơ sẽ là một đô thị sinh thái, có sự gắn kết hài hòa các yếu tố tự nhiên - con người - xã hội trên một không gian đô thị sông nước phát triển bền vững.

- Là trung tâm dịch vụ lớn về đào tạo, khoa học công nghệ, là trung tâm y tế chuyên sâu, đảm nhận dịch vụ chữa bệnh chất lượng cao hàng đầu của vùng ĐBSCL và có uy tín trong khu vực.

- Về phát triển đô thị và kết cấu hạ tầng: Đến năm 2030, quy mô dân số toàn thành phố khoảng 1,9 - 2,0 triệu người, trong đó dân số nội thành khoảng 1,6 triệu người. Kết cấu hạ tầng đô thị được xây dựng đồng bộ, hiện đại. Hệ thống giao thông kết nối ngoại vùng, nội đô thuận lợi với nhiều loại hình vận tải quy mô lớn; hạ tầng thông tin và truyền thông, mạng lưới cấp điện, cấp nước, thoát nước và các công trình bảo vệ môi trường, các công sở, khu dân cư..., đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu ngày càng cao của người dân thành phố.

- Là thành phố an toàn, thanh bình, cộng đồng gắn kết hài hoà và thân thiện, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

III. NHỮNG KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Tập trung hoàn chỉnh và hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng. Phối hợp với Trung ương sớm hoàn thành các công trình lớn liên quan đến thành phố như: Tuyến cao tốc Trung Lương - Cần Thơ, các tuyến đường đôi ngoại (Quốc lộ 91, cầu Vàm Cống kết nối vào tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi...), kênh đào Quan Chánh Bó và luồng Định An vào cụm cảng Cần Thơ... Nâng cấp, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị (mạng lưới giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, chất thải rắn...), hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị mới...

2. Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, coi đây là một trong các động lực chủ yếu của phát triển. Nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực; đào tạo lao động có chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành Trung tâm cung cấp lao động có trình độ cao cho ĐBSCL và hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao. Chú trọng đào tạo đội ngũ chuyên gia nhằm xây dựng tiềm lực khoa học công nghệ của thành phố; xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức; phát triển đào tạo theo các cấp học, đào tạo nghề tầm cỡ cấp vùng.

3. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện thể chế, hiện đại hoá nền hành chính. Tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút mạnh đầu tư trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Công nghiệp, xây dựng:

a) Về công nghiệp:

- Nhanh chóng hình thành và phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, đầu tư có trọng điểm theo hướng tập trung đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tạo sản phẩm có khả năng cạnh tranh cao, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao và bền vững.

- Tiếp tục tập trung vào các lĩnh vực có lợi thế so sánh, tạo động lực phát triển (công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, thực phẩm - đồ uống, công nghệ sinh học, hóa chất và các sản phẩm hóa sinh, công nghệ thông tin (phần mềm, kỹ thuật số), công nghiệp năng lượng và vật liệu mới, cơ khí và chế tạo máy, công nghiệp đóng và sửa chữa tàu) theo hướng từng bước đầu tư chiều sâu, công nghệ cao, công nghệ sạch.

- Ưu tiên phát triển công nghiệp hỗ trợ, bao gồm các ngành công nghiệp sản xuất vật liệu, phụ tùng linh kiện, phụ kiện, bán thành phẩm để cung cấp cho ngành công nghiệp cơ khí chế tạo, điện tử - tin học, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt - may, da - giày và công nghiệp công nghệ cao.

- Đẩy nhanh tiến độ quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp Hưng Phú I, II, Thốt Nốt, Bắc Ô Môn, Ô Môn. Điều chỉnh quy hoạch khu công nghiệp Thốt Nốt phù hợp với quy hoạch đường Hồ Chí Minh. Quy hoạch và triển khai thực hiện khu công nghiệp công nghệ thông tin để tập trung nghiên cứu, phát triển, sản xuất kinh doanh và đào tạo nguồn nhân lực về công nghiệp công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm). Quy hoạch đầu tư xây dựng vườn ươm công nghệ cao và khu công nghệ cao. Quy hoạch các cụm công nghiệp, tạo điều kiện phát triển mạnh công nghiệp nông thôn và di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm ra ngoài các khu dân cư, khu đô thị.

b) Về xây dựng:

Đẩy nhanh tiến độ đầu tư các khu đô thị, các khu dân cư, khu đô thị tái định cư, nhà ở sinh viên và nhà ở cho công nhân và người có thu nhập thấp... Xây dựng và quản lý kiến trúc quy hoạch, quản lý đô thị sáng, xanh, sạch, đẹp, nếp sống đô thị văn minh theo tiêu chí đô thị loại I.

2. Dịch vụ:

a) Định hướng phát triển chung khu vực dịch vụ:

- Phát triển thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm thương mại, giao thương lớn của vùng. Chú trọng phát triển các ngành dịch vụ truyền thống, ưu tiên phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng lớn, có giá trị gia tăng cao, nhất là các ngành dịch vụ có thế mạnh, lợi thế như: Thương mại - xuất nhập khẩu, du lịch, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, lô-gi-stíc, vận tải, bưu chính - viễn thông, dịch vụ kinh doanh bất động sản, phát triển sàn giao dịch chứng khoán, dịch vụ công khoa học và công nghệ.

- Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế với các đô thị lớn trong khu vực ASEAN, châu Á - Thái Bình Dương. Tăng cường mối quan hệ giữa thành phố Cần Thơ với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng ĐBSCL nhằm khai thác tốt nhất lợi thế so sánh và cùng phát triển.

- Dự kiến tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tăng bình quân 20,5 - 21%/năm giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 19 - 20%/năm giai đoạn 2016 - 2020.

b) Định hướng phát triển các ngành dịch vụ:

- Thương mại: Hiện đại hóa kết cấu hạ tầng thương mại. Tiếp tục củng cố, đầu tư phát triển mạng lưới bán buôn, bán lẻ (siêu thị, các chợ đầu mối, chợ truyền thống ở quận, huyện và xã, phường, thị trấn), tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển thương mại của thành phố theo hướng nâng dần vai trò trung tâm thương mại của vùng.

- Du lịch: Phát huy tối đa tiềm năng và lợi thế trung tâm của thành phố, thu hút mạnh mẽ các nguồn lực trong và ngoài nước đầu tư phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của thành phố; trung tâm du lịch của vùng ĐBSCL. Phát triển du lịch sinh thái miệt vườn, sông nước. Xây dựng đô thị du lịch sinh thái Phong Điền. Tiếp tục đầu tư và sớm hoàn thành một số cơ sở hạ tầng du lịch, các khu du lịch có qui mô lớn, khu vui chơi giải trí tổng hợp, xây dựng khu du lịch sinh thái Cồn Ấu, Cồn Khương, Tân Lộc. Mở các tuyến điểm du lịch mới, các tour du lịch liên vùng, du lịch quốc tế và phát triển du lịch đường thủy dọc tuyến sông Mê Kông.

3. Nông nghiệp, thủy sản và xây dựng nông thôn mới:

Đầu tư hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi, hệ thống bờ kè dọc theo các sông nhằm phòng chống xoáy mòn, sạt lở và tạo cảnh quan. Tập trung đầu tư kè chống sạt lở Xóm Chài, sông Trà Niên, sông Ô Môn, sông Trà Nóc, kè sông Cần Thơ, kinh xáng Xà No; nạo vét kinh Thốt Nốt.

a) Định hướng phát triển chung:

- Hình thành các tiểu vùng nông nghiệp đặc trưng, gồm: Vành đai sản xuất lương thực, thực phẩm quanh đô thị ứng dụng công nghệ cao, vùng cây ăn trái đặc sản kết hợp với du lịch, vùng chuyên canh lúa chất lượng cao, vùng phát triển chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống cây con phục vụ thành phố và các tỉnh trong vùng...

- Phối hợp với các cơ sở nghiên cứu khoa học trên địa bàn, đi đầu trong nghiên cứu - ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, đóng góp sản phẩm và cung ứng dịch vụ nông nghiệp công nghệ cao cho các tỉnh thực hiện mục tiêu phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL và cả nước. Phát triển nông nghiệp gắn liền với xây dựng nông thôn mới và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng, ổn định xã hội và môi trường nông thôn.

b) Định hướng phát triển các ngành:

- Trồng trọt: Tăng tỷ trọng giá trị của các ngành sản xuất có hiệu quả như: Lúa gạo chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, rau an toàn, hoa, cây kiểng, cây ăn trái, cây công nghiệp. Đẩy mạnh phát triển sản xuất giống lúa, giống cây ăn trái đầu dòng, giống rau, các giống hoa kiểng...

- Chăn nuôi: Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi heo, bò, gà theo phương thức tập trung quy mô lớn (trang trại), đưa chăn nuôi ra khỏi khu đô thị và khu dân cư nông thôn, giảm số hộ nuôi và tăng quy mô trên từng hộ.

- Nuôi trồng thủy sản: Duy trì tốc độ tăng trưởng cao trên cơ sở đa dạng các mô hình nuôi trồng thủy sản nước ngọt phù hợp điều kiện sinh thái với các sản phẩm chủ lực: Cá tra, tôm càng xanh, các loại cá đồng.

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao: Dự kiến xây dựng 3 khu nông nghiệp công nghệ cao tại Trung tâm giống nông nghiệp thành phố thuộc xã Thới Thạnh (huyện Thới Lai), Công ty nông nghiệp Sông Hậu và Công ty nông nghiệp Cờ Đỏ. Xây dựng các trạm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao là các vệ tinh của khu nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Vĩnh Thạnh, quận Thốt Nốt và huyện Phong Điền và triển khai các dự án thuộc chương trình nông nghiệp công nghệ cao.

- Xây dựng nông thôn mới: Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, đặc biệt chú trọng công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu tỷ lệ xã đạt tiêu chí nông thôn mới đến năm 2015 đạt 30%, đến năm 2020 đạt 70 - 80%.

4. Các lĩnh vực xã hội và khoa học - công nghệ:

a) Giáo dục và đào tạo:

- Giáo dục mầm non, phổ thông: Mở rộng quy mô đào tạo các cấp học, bậc học gắn với nâng cao chất lượng toàn diện. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch mạng lưới trường mầm non và phổ thông gắn liền với quy hoạch phát triển cụm dân cư. Tập trung phát triển mạng lưới trường lớp, xây dựng cơ sở vật chất, nhà trường theo hướng kiên cố hóa, chuẩn hóa và xã hội hóa.

- Cao đẳng, đại học: Xúc tiến lập quy hoạch, triển khai đầu tư xây dựng một số trường đại học, cao đẳng như: Đại học Kỹ thuật - Công nghệ, Ngoại ngữ, Luật, Kiến trúc - Xây dựng, Hàng hải, Đại học Quốc tế (trường đại học chất lượng cao), Đại học Kinh tế - Kỹ thuật nông nghiệp, Đại học ĐBSCL, Đại học Điều dưỡng - Kỹ thuật y tế, Đại học Văn hóa,...

- Dạy nghề: Xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành trung tâm đào tạo, cung cấp lao động có trình độ cao cho vùng ĐBSCL và hướng tới xuất khẩu lao động trình độ cao. Đẩy mạnh xã hội hóa phát triển mạng lưới dạy nghề, chú trọng đào tạo những nghề công nghệ cao. Đầu tư nâng cấp trường Cao đẳng nghề Cần Thơ đạt chất lượng cao.

b) Khoa học và công nghệ:

- Phát triển khoa học và công nghệ trở thành một trong những động lực chính trong phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Một số lĩnh vực khoa học, công nghệ trọng điểm có khả năng phát triển đi trước và nhanh hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế.

- Hình thành và phát triển các khu công nghệ cao. Xây dựng thành phố Cần Thơ thành trung tâm khoa học, công nghệ cấp vùng; làm chủ một số công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản chế biến, công nghệ cơ khí, công nghệ vật liệu xây dựng; bước đầu đi vào xây dựng luận cứ khoa học cho công nghệ tự động hóa, vật liệu mới. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, trong đó đặt trọng

tâm vào các vấn đề quản lý nhà nước, quản lý đô thị, phát triển các thành phần kinh tế trong điều kiện thực tế của thành phố Cần Thơ. Xã hội hóa hoạt động khoa học công nghệ, nhất là nguồn đầu tư cho khoa học công nghệ.

c) Y tế:

- Hình thành mạng lưới y tế chăm sóc sức khỏe đồng bộ từ tuyến thành phố đến cơ sở. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế cơ sở để mọi người dân được chăm sóc y tế công bằng, hiệu quả và hưởng được các dịch vụ y tế kỹ thuật cao.

- Tập trung phát triển các cơ sở y tế chuyên sâu, xây dựng dịch vụ y tế chất lượng cao phục vụ nhân dân trên địa bàn thành phố, trong vùng và khu vực là một trong những hướng ưu tiên nhất trong phát triển các loại hình dịch vụ trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ, Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện Tim mạch, Bệnh viện Phụ sản, Bệnh viện Nhi, Bệnh viện Răng - Hàm - Mặt, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi, Bệnh viện Y học cổ truyền; Trung tâm phòng chống HIV/AIDS. Phối hợp với Bộ Y tế điều chỉnh, bổ sung quy hoạch và đẩy nhanh tiến độ đầu tư Trung tâm Y tế kỹ thuật cao, Trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm cấp vùng tại Cần Thơ để phục vụ tốt hơn nhu cầu khám chữa bệnh cho nhân dân thành phố Cần Thơ và vùng ĐBSCL. Củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao khả năng tiếp cận của người dân đối với các dịch vụ y tế có chất lượng.

- Đầu tư phát triển mạng lưới y tế dự phòng đảm bảo đủ khả năng dự báo, giám sát, phát hiện và khống chế các dịch bệnh; kiểm soát vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng chống dịch chủ động và tích cực, không để dịch lớn xảy ra; kiểm soát và khống chế được các dịch bệnh nguy hiểm và các tác nhân truyền nhiễm, gây dịch, nhất là các dịch bệnh mới phát sinh.

d) Văn hóa:

- Nâng cao chất lượng việc thực hiện phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa". Phấn đấu đến năm 2015 số xã, phường văn hóa đạt tiêu chuẩn văn hóa trên 55%, đến năm 2020 trên 70%. Xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị. Xây dựng con người Cần Thơ "Trí tuệ, năng động, nhân ái, hào hiệp, thanh lịch".

- Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá từ thành phố đến cơ sở. Xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm Văn hóa Tây Đô. Đầu tư xây dựng Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, Viện Văn hóa ĐBSCL. Hình thành trung tâm điện ảnh của vùng ĐBSCL (Trung tâm Điện ảnh và dịch vụ văn hóa Cần Thơ). Xây dựng hoàn chỉnh, phát triển trung tâm hội chợ - triển lãm trở thành trung tâm chuyên tổ chức hội chợ - triển lãm quy mô quốc gia và quốc tế. Xây dựng

Thư viện thành phố về cơ bản trở thành thư viện hiện đại, đạt chuẩn thư viện hạng I. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và chỉnh lý trưng bày Bảo tàng Cần Thơ. Xây dựng Nhà hát nghệ thuật tổng hợp; Trung tâm bảo tồn và phát triển nghệ thuật Dân tộc ĐBSCL.

đ) Thể dục thể thao:

- Phát triển thể dục thể thao để hình thành tại thành phố một Trung tâm thể dục, thể thao mạnh của vùng ĐBSCL và cả nước.

- Phát triển đồng bộ và tạo chuyên biến mạnh mẽ hoạt động thể dục thể thao cho mọi người, nhất là thể dục thể thao quần chúng ở cấp xã, phường, thị trấn, giáo dục thể chất và thể thao trong nhà trường. Phát triển nhiều loại hình thể dục thể thao, khôi phục và phát triển các môn thể thao dân tộc, các môn thể thao hiện đại, thể thao giải trí.

- Mở rộng giao lưu văn hóa - thể thao cấp vùng, tổ chức tốt các cuộc hội thao, thi đấu thể thao; tiếp tục thực hiện chuyên nghiệp hoá thể thao thành tích cao.

- Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống đào tạo tài năng thể thao của thành phố. Có cơ chế, chính sách thu hút tài năng thể thao. Quan tâm tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu.

- Đầu tư Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia, Trung tâm thể thao vùng ĐBSCL. Xây dựng các công trình thể dục thể thao quận, huyện, các thiết chế thể dục thể thao cấp xã, phường, thị trấn đạt quy chuẩn đáp ứng nhu cầu của địa phương.

e) Lao động, việc làm:

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, có chính sách thu hút nhân tài, xây dựng đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia đầu ngành, cán bộ chuyên môn giỏi, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Dự kiến giải quyết việc làm bình quân hàng năm cho khoảng 50.000 - 55.000 lao động trong giai đoạn 2011 - 2015 và khoảng 57.000 - 62.000 lao động giai đoạn 2016 - 2020.

- Dự kiến đến năm 2015 tỷ lệ lao động thất nghiệp chiếm dưới 4%, đến năm 2020 dưới 3,5% tổng số người trong độ tuổi có khả năng lao động ở khu vực thành thị.

g) Giảm nghèo:

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo. Khuyến khích tạo cơ hội để hộ nghèo tự lực vượt nghèo thông qua các chính sách trợ giúp như đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, tiêu

thụ sản phẩm, ưu đãi tín dụng, hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp tạo việc làm... Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, đặc biệt là đào tạo nghề cho lao động nông thôn; tập huấn cho người nghèo về kiến thức và kỹ năng sản xuất. Phấn đấu trong thời kỳ 2011 - 2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân 1%/năm (theo tiêu chí của từng giai đoạn 5 năm 2011 - 2015 và 2016 - 2020).

h) Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh:

Củng cố quốc phòng - an ninh trên địa bàn thành phố Cần Thơ gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành phố trở thành khu vực phòng thủ vững chắc, trong đó tập trung xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh và thể trận lòng dân vững chắc, trở thành địa bàn có ý nghĩa chiến lược về quốc phòng - an ninh của vùng ĐBSCL và cả nước.

5. Kết cấu hạ tầng:

a) Mạng lưới giao thông:

- Đường bộ:

Đối với các dự án do Trung ương quản lý: Triển khai xây dựng đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ - Cà Mau, đoạn Trung Lương - Cần Thơ và nối tiếp đến Cà Mau; đường cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc và xem xét nghiên cứu gắn tuyến đường nối Quốc lộ 1 - Vòng Cung - nối Quốc lộ 80 thuộc địa bàn thành phố Cần Thơ vào đường cao tốc này; đường Hồ Chí Minh (tuyến N2). Đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục đầu tư và triển khai các dự án: Cầu Vàm Cống kết nối vào tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi, nâng cấp đường vào các khu công nghiệp phía Nam và cảng Cái Cui giai đoạn II. Xây dựng mới các tuyến đường tránh các đô thị đối với các quốc lộ.

Đối với các dự án do thành phố quản lý: Mở rộng đường Quang Trung - Cái Cui, đường nối thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ (đoạn thuộc thành phố Cần Thơ) - giai đoạn II; kêu gọi đầu tư thực hiện dự án tuyến nối quốc lộ 91 với tuyến Nam sông Hậu và thực hiện đầu tư các dự án đường tỉnh 917, đường tỉnh 918, đường tỉnh 923 (đoạn Phong Điền - Ba Se - quốc lộ 91), các đường ô tô đến trung tâm xã, phường... Phấn đấu tỷ lệ xã, phường có đường ô tô đến trung tâm xã đạt 85% đến năm 2015 và 100% đến năm 2020. Quy hoạch và triển khai đầu tư xây dựng cầu qua cù lao Tân Lộc, cầu chữ Y nối liền cồn Cái Khê - cồn Ấu - Xóm Chài, cầu Trần Hoàng Na, cầu Xóm Chài, đường tỉnh 922. Phát triển nhanh hệ thống đường liên quận, huyện đạt cấp III đồng bằng trở lên, đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng trở lên.

- Đường thủy:

Thành phố Cần Thơ phối hợp Bộ Giao thông vận tải trong việc quản lý, khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa do Bộ Giao thông vận tải quản lý, bao gồm sông Hậu, sông Cần Thơ, kinh Xà No, kinh Rạch Sỏi -

Hậu Giang, sông Ô Môn, kinh Thị Đới. Quy hoạch, quản lý và khai thác hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa do thành phố quản lý (sông Ba Láng, sông Cần Thơ, rạch Cầu Nhiễm, sông Trà Nóc, kinh Thốt Nốt, kinh Bà Đầm) và có kế hoạch nạo vét, nâng cấp các tuyến thủy nội địa do quận, huyện quản lý đạt tiêu chuẩn cấp 5. Hoàn chỉnh xây dựng, nâng cấp hệ thống cảng Cần Thơ - cảng tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực (loại I). Xây dựng, nâng cấp hệ thống cảng phục vụ vận chuyển nông thủy sản kết hợp thương mại, công nghiệp chế biến, logi-stíc và du lịch phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đường sắt:

Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho - Cần Thơ, hệ thống đường sắt nội thị của thành phố.

- Đường hàng không: Mở rộng các tuyến trong nội địa và quốc tế, trước mắt là khu vực ASEAN.

b) Mạng lưới cấp điện:

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư hoàn chỉnh Trung tâm điện lực Ô Môn, đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn và Trung tâm phân phối khí đưa vào khai thác sử dụng.

- Cải tạo hệ thống lưới điện và làm mới các đường dây trung thế, hạ thế; bảo đảm an toàn, giảm tổn thất trên lưới. Đến năm 2015, bảo đảm các hộ dân đều có điện sinh hoạt (khoảng 99,8% số hộ). Nâng chỉ tiêu điện thương phẩm bình quân đầu người lên 2.100 - 2.200 KWh/người đến năm 2015 và trên 3.100 - 3.200 KWh/người đến năm 2020.

c) Thông tin và truyền thông:

- Bưu chính:

Nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các dịch vụ bưu chính cơ bản, dịch vụ bưu chính cộng thêm, phát triển các loại dịch vụ mới. Xây dựng bưu cục trung tâm vùng tại thành phố Cần Thơ trở thành một trong những trung tâm khai thác với trang thiết bị hiện đại. Nâng cấp bưu điện quận, huyện. Củng cố và hoàn thiện mô hình điểm Bưu điện văn hóa xã.

- Viễn thông:

Xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông có công nghệ hiện đại, có độ bao phủ rộng khắp, dung lượng lớn, cung cấp đa dịch vụ với chất lượng tốt và có hiệu quả. Đưa viễn thông và Internet trở thành ngành kinh tế quan trọng, đóng góp ngày càng nhiều cho tăng trưởng kinh tế, tạo nhiều việc làm cho xã hội. Tăng dung lượng các tổng đài, nâng số thuê bao Internet/100 dân đạt 7 - 8 thuê bao đến năm 2015 và khoảng 13 - 15 thuê bao đến năm 2020.

- Công nghệ thông tin:

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó tập trung ưu tiên cho việc ứng dụng và phát triển chính quyền điện tử, thương mại điện tử tại địa phương.

Xúc tiến quảng bá, thu hút đầu tư đồng thời ban hành chính sách ưu đãi, thu hút đầu tư cho các doanh nghiệp CNTT. Hình thành và phát triển ít nhất một khu CNTT tập trung, vườn ươm doanh nghiệp CNTT nhằm tạo điều kiện thuận lợi về đất đai phục vụ cho hoạt động và phát triển của công nghiệp CNTT trên địa bàn. Ưu tiên phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số làm tiền đề phát triển công nghiệp phần cứng về sau.

- Báo chí, xuất bản, phát thanh - truyền hình:

Hỗ trợ các cơ quan báo chí hoạt động và phát triển trên địa bàn, phấn đấu đến năm 2020 có cơ quan báo chí xứng tầm khu vực phía Nam và cả nước. Đến năm 2020, truyền hình cáp được triển khai đến 100% địa bàn dân cư của thành phố. Quy hoạch phát triển hệ thống các cơ sở phát hành xuất bản phẩm rộng khắp từ khu vực trung tâm thành phố đến các xã vùng ven.

d) Cấp thoát nước, vệ sinh môi trường:

- Cấp nước:

Mở rộng công suất, hoàn chỉnh hệ thống phân phối nước tại các quận, huyện. Xây dựng mới hệ thống cấp nước cho các khu đô thị mới, một số thị trấn, đô thị vệ tinh, hệ thống cung cấp nước sạch tập trung tại các trung tâm xã, khu dân cư tập trung, nối mạng khép kín hệ thống phân phối nước cho các tuyến dân cư. Phấn đấu đến năm 2015, cơ bản các hộ dân đều được sử dụng nước hợp vệ sinh.

- Thoát nước:

Đẩy mạnh tiến độ thực hiện xây dựng khu xử lý nước thải và các trạm bơm, sớm đưa vào sử dụng hệ thống xử lý và thoát nước thải trên địa bàn các quận Cái Răng, Ninh Kiều. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và hệ thống xử lý nước thải tại các khu công nghiệp và khu đô thị mới.

- Thu gom và xử lý rác thải:

Hoàn thành xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tại phường Phước Thới, quận Ô Môn. Đầu tư nhà máy xử lý rác thải y tế và các loại chất thải độc hại cấp vùng.

Đến năm 2015, nâng tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn đạt trên 90%, thu gom và xử lý đúng quy trình, quy định chuyên ngành 100% rác thải y tế; đến năm 2020 về cơ bản thu gom và xử lý toàn bộ rác thải rắn.

6. Bảo vệ môi trường và thích nghi với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiên tai

Những lĩnh vực ưu tiên trong định hướng ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững bao gồm:

- Xây dựng và mở rộng các trạm quan trắc tự động ở các quận, huyện nhằm kịp thời quan trắc ảnh hưởng môi trường trong biến đổi khí hậu khu vực thành phố.

- Nâng cao hiệu quả, hàm lượng khoa học công nghệ, công nghệ sạch trong sản xuất, sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, cải thiện môi trường.

- Thay đổi mô hình tiêu dùng theo hướng thân thiện với môi trường, dựa trên cơ sở tiết kiệm các nguồn tài nguyên không tái tạo, giảm tối đa chất thải độc hại và khó phân huỷ, duy trì lối sống hài hoà với thiên nhiên.

- Nghiên cứu việc thay đổi cơ cấu canh tác, mùa vụ, cây trồng, vật nuôi thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu, tác động của thay đổi ở khu vực thượng nguồn sông Mê Kông. Bảo vệ môi trường nước và sử dụng bền vững tài nguyên nước.

- Nghiên cứu xây dựng hệ thống đê bao vùng, tiểu vùng ở từng khu vực khác nhau, kết hợp đê bao ngăn lũ. Nạo vét luồng lạch, khai thác cát sông một cách khoa học, kết hợp điều tiết dòng chảy xem xét ảnh hưởng đối với vấn đề sạt lở kè, bờ... Nghiên cứu, cảnh báo và đề xuất giải pháp phòng chống thiên tai (như kè bờ sông, di dời dân cư, trồng cây bảo vệ bờ...) tại những khu vực có nguy cơ sạt lở cao dọc các tuyến sông, kinh, rạch. Phân luồng đối với các tuyến vận tải lớn và tuyến tàu cao tốc; chú trọng các tuyến đã được cảnh báo về sạt lở.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, giáo dục bảo vệ môi trường cho tất cả các đối tượng trên địa bàn thành phố và hợp tác nghiên cứu, phòng chống ảnh hưởng của biến đổi khí hậu trong toàn vùng, khu vực.

V. PHÂN KHU CHỨC NĂNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC KHU VỰC

1. Phân khu chức năng và định hướng phát triển các khu vực của nội thành:

Hình thành các khu chức năng đô thị:

- Khu vực đô thị trung tâm (Quận Ninh Kiều và mở rộng sang Bình Thủy).
- Khu đô thị Cái Răng (Khu đô thị công nghiệp - cảng).

- Khu đô thị - công nghiệp cũ Trà Nóc và Khu đô thị mới Ô Môn.

- Khu đô thị dịch vụ - công nghiệp Thốt Nốt.

2. Phát triển khu vực nông thôn và vành đai xanh:

- Hình thành hệ thống các đô thị vệ tinh của đô thị trung tâm (khu vực ngoại thành): Nâng cấp các thị trấn Thạch An, Cờ Đỏ, Thới Lai, thị trấn Phong Điền lên đô thị loại IV; hình thành các đô thị mới: Sông Hậu, Đông Bình, Trường Xuân, Trường Thành... Đây là các trung tâm tạo sức lan tỏa, lôi kéo khu vực nông thôn phụ cận cùng phát triển.

- Phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Đầu tư công nghiệp chế biến, giết mổ gia súc, gia cầm, chế biến rau quả; mở rộng hệ thống thương mại, dịch vụ phục vụ trực tiếp cho sản xuất kinh doanh, tổ chức hoạt động có hiệu quả các chợ đầu mối, sắp xếp hệ thống chợ nông thôn, khôi phục và mở rộng các làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch làng nghề.

- Phát triển du lịch sinh thái miệt vườn, sông nước. Xây dựng đô thị du lịch sinh thái miệt vườn Phong Điền.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo sự liên kết hợp lý về cơ sở hạ tầng giữa nội thành và ngoại thành, tập trung vào mạng lưới giao thông, cấp thoát nước, xử lý chất thải. Quy hoạch và xây dựng mới các tuyến đường ngang kết nối khu vực nông thôn (phía Nam và Tây Nam) với trục cao tốc mới và các trục dọc theo sông Hậu.

- Nâng cao chất lượng cuộc sống và thu nhập của người dân nông thôn. Cải thiện từng bước nhà ở. Tăng cường công tác quản lý quy hoạch, kiến trúc xây dựng ở nông thôn cho phù hợp với quá trình đô thị hoá; kết hợp hài hoà giữa nét đẹp truyền thống của làng xóm với tính hiện đại của nông thôn đô thị.

- Hình thành các vành đai xanh giữa các khu đô thị (đô thị), dải cây xanh dọc sông Hậu, các sông, kênh, rạch.

VI. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ

(Phụ lục kèm theo).

VII. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Giải pháp huy động các nguồn vốn đầu tư:

- Nhu cầu vốn đầu tư giai đoạn 2011 - 2020 khoảng là 699,8 nghìn tỷ đồng (tương đương 29,4 tỷ USD), trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 là 206,8 nghìn tỷ đồng (tương đương 9,6 tỷ USD) và giai đoạn 2016 - 2020 là 493 nghìn tỷ đồng (tương đương 19,8 tỷ USD). Để huy động được nguồn vốn trên cần triển khai tích cực, đồng bộ hệ thống các biện pháp huy động vốn.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước bao gồm cả từ ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố dành chủ yếu cho phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội. Nâng cao hiệu quả đầu tư, chống lãng phí, thất thoát trong đầu tư từ ngân sách nhà nước. Thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình quốc gia, các dự án hỗ trợ của quốc tế để tạo sức mạnh tổng hợp của các nguồn vốn và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư.

- Tiếp tục tháo gỡ những khó khăn mà các doanh nghiệp đang phải đối mặt liên quan đến các nhân tố đầu vào và sản phẩm đầu ra. Đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động sự nghiệp như y tế, giáo dục, đào tạo nghề, bảo hiểm xã hội, nghiên cứu khoa học...

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo lợi thế trong việc thu hút nguồn đầu tư trực tiếp và gián tiếp từ nước ngoài. Chú trọng công tác xúc tiến đầu tư. Làm tốt công tác quy hoạch, chuẩn bị tốt dự án đầu tư và quỹ đất sạch để kêu gọi đầu tư.

- Tiếp tục tranh thủ các nguồn tài trợ ODA, NGO, tập trung vào lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ môi trường như hệ thống cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải rắn...

- Sử dụng hiệu quả đất đai thông qua việc xây dựng tốt quy hoạch sử dụng đất; công khai, minh bạch quy hoạch sử dụng đất, quỹ đất. Tạo quỹ đất "sạch" (đã đền bù, giải phóng mặt bằng) để đấu giá quyền sử dụng đất, tạo nguồn thu để phát triển kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội.

- Tăng cường huy động vốn đầu tư theo các hình thức đầu tư BOT, BTO, BT, PPP.

2. Hoàn thiện hệ thống thể chế chính sách:

- Thành phố phối hợp với các Bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, phát triển nông nghiệp công nghệ cao.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng thể chế. Xây dựng mạng lưới các tổ chức dịch vụ pháp lý trên địa bàn thành phố nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân dễ dàng tiếp cận pháp luật. Triển khai các biện pháp theo dõi việc thực hiện pháp luật. Rà soát lại các văn bản pháp luật do thành phố ban hành, xác định những văn bản phù hợp với yêu cầu mới, những văn bản không còn phù hợp và kế hoạch hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của thành phố.

- Tăng cường các giải pháp phát triển doanh nghiệp. Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp trong giải phóng mặt bằng, đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ mới, bảo vệ môi trường... Xây dựng chính sách tôn vinh, động viên tinh thần kinh doanh của các doanh nghiệp, tạo cơ hội bình đẳng cho các thành phần kinh tế cùng phát triển.

3. Giải pháp về khoa học và công nghệ:

- Xây dựng phát triển thị trường khoa học công nghệ. Chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ; các chính sách thu hút các tổ chức nghiên cứu - triển khai, đào tạo khoa học - công nghệ, các doanh nghiệp khoa học công nghệ đến trú đóng, đầu tư và hoạt động tại thành phố....

- Nghiên cứu huy động các nguồn vốn nhằm tăng chi ngân sách cho khoa học công nghệ. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực để tiếp nhận các nguồn vốn ODA đặc biệt trong lĩnh vực y tế - chăm sóc sức khỏe, môi trường, năng lượng và chính sách lao động.

- Tăng cường năng lực bộ máy quản lý, điều hành khoa học công nghệ; có cơ chế tạo điều kiện hoạt động và phối hợp hoạt động cho bộ phận khoa học công nghệ thuộc các sở ngành; phối hợp tổ chức triển khai giữa các Bộ, ngành và thành phố trong thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.

- Ban hành và triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực khoa học - công nghệ.

4. Giải pháp về đào tạo, phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục tăng cường đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế, văn hoá để nâng cao trình độ dân trí, tỷ lệ lao động được đào tạo và sức khoẻ cho người lao động.

- Tăng cường công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý các doanh nghiệp. Sắp xếp lại và nâng cao trình độ cán bộ quản lý Nhà nước, thực hiện tốt công tác quy hoạch, tiêu chuẩn hóa, luân chuyển cán bộ... Chú trọng xây dựng nhân lực có kỹ thuật, có trình độ cho sản xuất kinh doanh.

- Chú trọng đầu tư cho giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề. Xây dựng các cơ chế khuyến khích phát triển các cơ sở dạy nghề, mở rộng dạy nghề bằng nhiều hình thức thích hợp, dạy nghề chất lượng cao.

- Có chính sách đào tạo nghề cho lao động chuyên đổi sang các ngành nghề phi nông nghiệp. Tổ chức tốt các hình thức xúc tiến, hỗ trợ và giới thiệu việc làm.

- Ban hành cụ thể các chế độ, chính sách để thu hút nhân tài và lao động kỹ thuật đến công tác và làm việc lâu dài ở thành phố.

5. Phối hợp, hợp tác với các Bộ, ngành và địa phương trong và ngoài vùng

- Xây dựng và thực hiện các cơ chế phối hợp liên kết, hợp tác giữa thành phố với các Bộ, ngành và các địa phương theo hướng rõ lĩnh vực, rõ việc, tạo điều kiện mở rộng thị trường, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp.

- Cần Thơ và các Bộ, ngành phối hợp trong việc lập quy hoạch và đầu tư xây dựng các công trình do các Bộ, ngành quản lý trên địa bàn thành phố.

- Liên kết với các địa phương trong vùng đối với các lĩnh vực xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch; phối hợp xây dựng các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư để tránh cạnh tranh không cần thiết và không lành mạnh.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ GIÁM SÁT QUY HOẠCH

1. Sau khi Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thành phố Cần Thơ cần tổ chức công bố, phổ biến đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân trong thành phố; đồng thời tiến hành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện Quy hoạch.

2. Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Quy hoạch bằng các kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện có hiệu quả. Hàng năm có đánh giá việc thực hiện Quy hoạch, trên cơ sở đó tiến hành rà soát, kiến nghị theo thẩm quyền việc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cho phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng thời kỳ tiếp theo.

3. Các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân có trách nhiệm kiểm tra, giám sát trong việc thực hiện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch.

Điều 2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 là cơ sở cho việc lập mới, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các quy hoạch ngành (quy hoạch xây dựng, quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất và các quy hoạch ngành, lĩnh vực sản phẩm), các quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội các quận, huyện, các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ căn cứ mục tiêu, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan chỉ đạo việc lập mới, điều chỉnh, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện theo quy định:

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các quận, huyện; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm để bảo đảm sự phát triển tổng thể, đồng bộ.

2. Lập các kế hoạch trung hạn, ngắn hạn, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung, bố trí ưu tiên đầu tư một cách hợp lý.

3. Nghiên cứu xây dựng, ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của thành phố và pháp luật của Nhà nước trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện Quy hoạch.

4. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch này kịp thời, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và cả nước trong từng giai đoạn Quy hoạch.

Điều 4. Các Bộ, ngành liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

1. Hướng dẫn và giúp Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ nghiên cứu lập các quy hoạch cụ thể; nghiên cứu xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng giai đoạn nhằm sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; khuyến khích, thu hút đầu tư theo mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Quy hoạch.

2. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào các quy hoạch phát triển ngành, kế hoạch đầu tư các công trình, dự án liên quan đã được dự kiến nêu trong quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt. Hỗ trợ thành phố Cần Thơ trong việc bố trí và huy động các nguồn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài để thực hiện Quy hoạch.

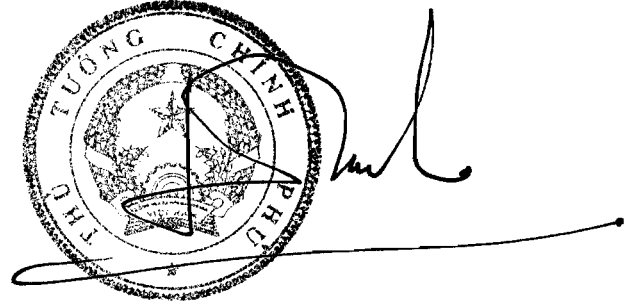
Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).N *240*

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng

www.LuatVietnam.vn



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ƯU TIÊN NGHIÊN CỨU ĐẦU TƯ
THỜI KỲ 2011 - 2020 CỦA THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-TTg
ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ)*

A. CÁC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN

1. Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng
2. Chương trình phát triển nguồn nhân lực
3. Chương trình phát triển dịch vụ
4. Chương trình phát triển công nghiệp
5. Chương trình phát triển nông nghiệp công nghệ cao
6. Chương trình bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

B. CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN

I. Các dự án do Trung ương đầu tư trên địa bàn thành phố

1. Xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Cần Thơ
2. Xây dựng đường cao tốc Sóc Trăng - Cần Thơ - Châu Đốc
3. Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 91
4. Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 80
5. Nâng cấp, mở rộng cảng Cần Thơ
6. Xây dựng cầu Cần Thơ 2
7. Xây dựng cầu Vàm Cống
8. Nâng cấp Trường Đại học Cần Thơ thành trường Đại học trọng điểm quốc gia theo hướng phát triển đa ngành
9. Trường Đại học Kiến trúc - Xây dựng
10. Trường Đại học Quốc tế (Trường đại học chất lượng cao)
11. Thành lập Học viện Chính trị - Hành chính Khu vực IV
12. Trường Cao đẳng nghề khu vực
13. Trường Trung cấp Du lịch khu vực ĐBSCL

14. Viện Công nghệ sinh học
15. Trung tâm Chính hình và Chức năng khu vực ĐBSCL
16. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ
17. Trung tâm Y tế Kỹ thuật cao.

II. Các dự án do thành phố Cần Thơ quản lý

1. Nâng cấp quốc lộ 91 (đoạn Km 0 - Km 7)
2. Xây dựng cầu qua cù lao Tân Lộc
3. Cầu chữ Y nối liền cồn Cái Khế - cồn Ấu - Xóm Lung
4. Xây dựng và nâng cấp đường tỉnh 922
5. Tuyến giao thông Bốn Tổng - Một Ngàn
6. Đường ô tô đến trung tâm các xã, phường: xã Trường Thắng, Tân Thạnh (huyện Thới Lai), phường Tân Lộc (quận Thốt Nốt), xã Giai Xuân (huyện Phong Điền).
7. Xây dựng tuyến nối quốc lộ 91 với đường Nam sông Hậu
8. Xây dựng đường đường tỉnh 918
9. Mở rộng đường Quang Trung - Cái Cui
10. Nâng cấp đường vào Khu công nghiệp phía Nam và cảng Cái Cui giai đoạn II (Đoạn Ngã Năm cầu Cần Thơ - Cái Cui thuộc dự án quốc lộ Nam sông Hậu)
11. Xây dựng đường tỉnh 917 (Trà Nóc - Lộ Bức - Thới An Đông)
12. Kè chống sạt lở Xóm Chài, sông Trà Niên, sông Ô Môn, sông Trà Nóc
13. Nạo vét Kinh Thốt Nốt
14. Kè sông Cần Thơ
15. Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ (500 giường)
16. Bệnh viện Lao và Bệnh phổi Cần Thơ
17. Bệnh viện Tim mạch Cần Thơ

18. Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ
19. Bệnh viện Tai Mũi Họng Cần Thơ
20. Bệnh viện Nhi Cần Thơ
21. Bệnh viện Răng Hàm Mặt Cần Thơ
22. Bệnh viện U Bướu Cần Thơ
23. Trung tâm Y tế Dự phòng Trung ương Cần Thơ
24. Trung tâm Y tế kỹ thuật cao
25. Bệnh viện Y học Cổ truyền
26. Đề án xây dựng các Bệnh viện Đa khoa huyện, bệnh viện Đa khoa khu vực
27. Trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm
28. Trung tâm phòng chống HIV/AIDS
29. Trung tâm Văn hóa Tây Đô
30. Trung tâm kỹ thuật và ứng dụng công nghệ ĐBSCL
31. Trung tâm tiêu chuẩn chất lượng và chuyển giao công nghệ
32. Trung tâm chỉnh hình và chức năng Cần Thơ
33. Trung tâm giới thiệu việc làm thành phố Cần Thơ
34. Trường bán vùng ĐBSCL
35. Trường Trung cấp nghề Khu vực ĐBSCL
36. Trung tâm đào tạo và sát hạch lái xe cơ giới đường bộ Tây Đô (thuộc Trường Trung cấp nghề Khu vực ĐBSCL).
37. Dự án nâng cấp đô thị thành phố Cần Thơ (WB)
38. Dự án thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cần Thơ (WB)
39. Đường Thới Thuận - Thạnh Lộc (WB5)
40. Trường Đại học Luật
41. Trường Đại học Ngoại ngữ
42. Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ
43. Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật nông nghiệp

44. Trường Đại học ĐBSCL
45. Trường Đại học Điều dưỡng - Kỹ thuật y tế Cần Thơ
46. Nhà xuất bản tổng hợp Cần Thơ
47. Công viên sông Hậu
48. Hồ Ô Môn
49. Hạ tầng các đô thị mới, khu đô thị mới
50. Xây dựng cầu Trần Hoàng Na
51. Xây dựng cầu Xóm Chài
52. Xây dựng đường tỉnh 923.

III. Các dự án sản xuất kinh doanh

1. Hạ tầng các khu công nghiệp: Thốt Nốt, Ô Môn, Bắc Ô Môn.
2. Hạ tầng các cụm công nghiệp
3. Các khu công nghiệp công nghệ cao về nông nghiệp
4. Khu công nghệ thông tin tập trung và vườn ươm doanh nghiệp CNTT
5. Nhà máy lọc dầu (Công suất 2 triệu tấn/năm)
6. Trung tâm điện lực Ô Môn, đường ống dẫn khí lô B - Ô Môn và Trung tâm phân phối khí
7. Chợ đầu mối thủy sản
8. Trung tâm thương mại cấp vùng
9. Hệ thống kho vận, trung tâm phân phối cấp vùng
10. Khu du lịch cồn Sơn
11. Khu du lịch sinh thái cồn Ấu
12. Khu du lịch cù lao Tân Lộc.

** Ghi chú: Vị trí, quy mô diện tích chiếm đất, tổng mức và nguồn vốn đầu tư của các Chương trình, các dự án nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.*